

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02 /2020/**KDTM-ST**

Ngày: 16/ 12 /2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lý và ông Hồ Viết Tùng

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Phú - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý 04/2020/TLST – KDTM ngày 02/01/2020 về “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02 /2020/QĐST ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam.

Địa chỉ: Tháp BIDV, số 39 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức Tú, sinh năm 1968, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Đặng Văn T; chức vụ: Giám đốc chi nhánh Phủ Quỳ là người đứng đầu Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ, địa chỉ: Số 417, đường Trần Hưng Đạo, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Theo văn bản ủy quyền số 906/QĐ-BIDV ngày 26/11/2018 của ông Phan Đức Tú.

Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền lại gồm:

1. Ông Nguyễn Trung K; chức vụ: Trưởng phòng khách hàng Doanh nghiệp; Theo văn bản ủy quyền số 915/QĐ-BIDV.PQ ngày 07/12/2018 của ông Đặng Văn T. Có mặt.

2. Ông Trần Việt V; chức vụ: Chuyên Viên tổ xử lý thu hồi nợ xấu; Theo văn bản ủy quyền số 915/QĐ-BIDV.PQ ngày 07/12/2018 của ông Đặng Văn T.

Có mặt.

*** Bị đơn:**

1. Ông Đặng Đình V, sinh năm 1968

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khối Tây Hồ 1, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ hiện nay: Đang ở nước ngoài. Vắng mặt.

2. Chị Đặng Thị Quỳnh Tr, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Tây Hồ 1, p. Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Trần Thị H, sinh năm 1969. Vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Q, p. Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

2. Anh Hồ Phi H, sinh năm 1988 và chị Hà Thị Thúy. Đều vắng mặt.

Địa chỉ: Khối Q, Phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An.

3. Đặng Thị T, sinh năm: 1988, địa chỉ: Bệnh viện Quốc Tế Vinh, số 99 đường Phạm Đình Toái, thành phố Vinh, Nghệ An; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Anh Đặng Đình H, sinh năm 1995, địa chỉ: Số 36, Nguyễn Hữu Thọ, phường Tân Phong, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/3/2019 và các tài liệu, chứng cứ cũng như lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam trình bày: Ngày 14/10/2016, Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ và ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr đã ký hợp đồng tín dụng số 35/2016/4876886/HĐTD với số tiền vay là 664.000.000 đ. Thời hạn vay 11 tháng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng nông sản; lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm trong 1/2 thời gian vay vốn đầu tiên, sau 1/2 thời gian vay vốn đầu tiên thì áp dụng theo mức lãi suất thông thường của Chi nhánh BIDV Phủ Quỳ theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản để đảm bảo cho khoản vay trên là QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 tại thửa đất số 16939.03.41, tờ bản đồ số 03, diện tích 887,6m² tại Khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, Nghệ An, đã được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp Giấy CNQSD đất số AI 421296 ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4 mái ngói, có 3 gian 01 lòi, nền lát gạch men, diện tích xây dựng 75m², xây dựng năm 1987; Theo HĐ thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 16/2016/4965664/HĐBĐ ngày 14/10/2016, công chứng tại Văn phòng công chứng Thái Hòa ngày 14/10/2016, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TX Thái Hòa ngày 14/10/2016.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr đã không thực hiện đúng thỏa thuận về việc trả nợ như đã cam kết. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V, bà Tr phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền cả gốc và lãi tính đến hết ngày 04/3/2019 là 858.069.333 đồng, trong đó nợ gốc là 664.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 148.293.333 đồng, tiền lãi quá hạn là 45.776.000 đồng. Trường hợp ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr không thanh toán, hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị Tòa án cho xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thi hành án. Trong trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ trả nợ cho ngân hàng thì yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr tiếp tục trả nợ cho ngân hàng cho đến khi trả nợ xong.

Bị đơn ông Đặng Đình V quá trình giải quyết vụ án không có mặt tại địa pH, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Đặng Đình V nhưng ông V không có mặt nên không có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Đồng bị đơn bà Đặng Thị Quỳnh Tr quá trình giải quyết vụ án trình bày: ngày 14/10/2016, bà và bố đẻ là ông Đặng Đình V đã ký hợp đồng tín dụng số 35/2016/4876886/HĐTD với Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ, số tiền vay là 664.000.000 đ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà và ông Đặng Đình V mới chỉ trả được 10.000.000 đ tiền lãi trong hạn, chưa trả tiền gốc. Bố bà hiện đi làm ăn tại Đài Loan (Trung Quốc) bất hợp pháp nên không có địa chỉ cụ thể. Tuy nhiên, bố bà vẫn đang cố gắng làm việc để có thể hoàn thành nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên nguyện vọng của gia đình là xin trả dần tiền gốc và xin miễn lãi trong hạn, lãi quá hạn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị T, ông Đặng Đình H quá trình giải quyết vụ án trình bày: Bà T, ông H là con đẻ của ông Đặng Đình S và bà Trần Thị Minh. Sau khi ông S và bà Minh ly hôn thì ông S kết hôn với bà Trần Thị H, quá trình chung sống ông bà không có con chung. Ông Đặng Đình S mất năm 2016, không biết có để lại di chúc hay không. Trong quá trình thế chấp tại Ngân hàng thì ông Đặng Đình S mất, ông Đặng Đình H, bà Đặng Thị T đồng ý để Tòa án xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp ông S đã ký và đề nghị vắng mặt trong quá trình tố tụng, xét xử vụ án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H quá trình giải quyết vụ án trình bày: Ngày 14/10/2016, bà có ký Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 16/2016/4965664HĐBĐ thế chấp QSD đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 tại thửa đất số 16939.03.41, tờ bản đồ số 03, diện tích 887,6m² tại Khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa theo Giấy CNQSD đất số AI 421296 do UBND huyện Nghĩa Đàn cấp ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H. Hiện tại trên thửa đất này gồm có 5 người đang sinh sống, gồm bà Trần Thị H, con trai Đặng Phi H, con dâu Hà Thị Thúy và 2 cháu. Bà không đồng ý với yêu cầu yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng trong trường hợp ông V, bà Tr không trả được nợ cho Ngân hàng vì ông V và chị Tr vay nên phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Phi H, **chị Hà Thị Thúy*** quá trình giải quyết đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến trong hồ sơ vụ án.

Căn cứ Biên bản thẩm định tại ngày 27/8/2019 thể hiện Thửa đất số 16939.03.41 tờ bản đồ số 3 (nay thửa 21, tờ bản đồ số 6) địa điểm khối Q, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An có diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/8/2007 là 887,6m². Diện tích đo vẽ thực tế năm 2010 là 839,5m².

Về tài sản trên đất gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 xây về hướng tây của thửa đất, tường xây, mái lợp ngói, trần nhựa, nền lát gạch hoa gồm 01 phòng khách, 01 phòng lò, 01 phòng ngủ, cửa làm bằng nhựa, kính Widow, mặt tường phía trước ốp gạch;

- 01 ngôi nhà ngang (nhà cấp 4) xây về hướng nam của thửa đất, tường xây, nền gạch lát hoa, mái lợp tôn, trần nhựa, gồm 01 gian bếp, 02 phòng ngủ, cửa hai phòng ngủ bằng kính, cửa phòng bếp làm bằng nhựa, kính Widow nhà xây năm 2018;
- 01 nhà vệ sinh khép kín xây liền kề với nhà ngang được xây dựng năm 2010.
- Phía trước của nhà chính và phía đông của nhà chính có mái tôn.

Tài sản gắn liền với đất thay đổi so với thời điểm thế chấp, cụ thể ngôi nhà ngàn được xây dựng vào năm 2018.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc ông Đặng Đình V, **chị Đặng Thị Quỳnh Tr** trả nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 664.000.000đ, nợ lãi trong hạn: 43.606.933đ; nợ lãi quá hạn: 305.929.700đ. Tổng cả gốc và lãi 1.013.425.967 đồng trường hợp ông V, bà Tr không trả nợ đề nghị xử lý tài sản thế chấp là tài sản và quyền sử dụng đất mang tên hộ gia đình ông Đặng Đình S và bà Nguyễn Thị H tại khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An theo hợp đồng thế chấp các bên đã ký kết với ngân hàng; Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan **đến vụ án** đều vắng mặt;

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật TTDS năm 2015;

- Khoản 2 Điều 292; Điều 295; Điều 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 325, 463, 466, 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam. Buộc Ông Đặng Đình V và bà Đặng Thị Quỳnh Tr phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng BIDV theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn và nợ quá hạn với số tiền: 1.013.425.967 đ.

Trong trường hợp ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP ĐT & PT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 tại thửa đất số 16939.03.41, tờ bản đồ số 03, diện tích 887,6m² tại Khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp Giấy CNQSD đất số AI 421296 ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4 mái ngói, có 3 gian 01 lòi, nền lát gạch men, diện tích xây dựng 75m²,

xây dựng năm 1987; Theo HĐ thể chấp bất động sản của bên thứ 3 số 16/2016/4965664HĐBĐ ngày 14/10/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của nguyên đơn, ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30. Do các bị đơn đều có địa chỉ cư trú tại khối Tây Hồ 1, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Bị đơn ông Đặng Đình V và chị Tr đang có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng BIDV nhưng khi ông V thay đổi nơi cư trú làm việc đã không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng biết nên thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 BLTTDS và điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị Quyết 04/2017/NQ- HĐTP. Tòa án nhân dân thị xã Thái Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng qui định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về địa chỉ nơi cư trú của bị đơn xác định địa chỉ của bị đơn do Nguyên đơn cung cấp là nơi cư trú cuối cùng tại Việt Nam trước khi xuất cảnh, theo kết quả tra cứu Xuất - Nhập cảnh thì ông V đã xuất, nhập cảnh nhiều lần và lần gần nhất vào ngày 29/6/2018 qua cửa khẩu sân bay Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Nước. Do bị đơn ông V có hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh tại tỉnh Nghệ An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì vậy, Tòa án nhân dân Thị xã Thái Hòa tỉnh Nghệ An đã ra Quyết định số 01 ngày 05/11/2019 về việc chuyển hồ sơ vụ án đến TAND tỉnh Nghệ An để giải quyết theo thẩm quyền là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

- Về thủ tục hòa giải và sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập các đương sự nhiều lần để tiến hành hòa giải tuy nhiên các đương sự gồm các bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều vắng mặt nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được. Vì vậy vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các bị đơn ông Đặng Đình V, Đặng Thị Quỳnh Tr và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ hai lần trở lên nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Đối với ông Đặng Đình V, Tòa án đã nhiều lần trực tiếp gặp thân nhân của bị đơn (ông V) là chị Đặng Thị Quỳnh Tr đồng thời cũng là bị đơn trong vụ án để tổng đạt các văn bản tố tụng và yêu cầu thân nhân hợp tác với Tòa án cung cấp thông tin địa chỉ và thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho ông V biết để gửi lời khai về cho Tòa án nhưng chị Tr là con đẻ của ông V đều từ chối và không hợp tác. Thấy đã có đủ căn cứ xác định bị đơn là ông Đặng Đình

V hiện đang lao động tại nước ngoài vẫn có liên hệ với thân nhân là con đẻ ở trong nước nhưng thân nhân của bị đơn không cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết để gửi lời khai về cho Tòa án. Vì vậy Tòa án coi đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo và từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ hai mà thân nhân của bị đơn cũng không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho bị đơn biết nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là ông V theo thủ tục chung. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về áp dụng pháp luật: Ngân hàng BIDV và ông Đặng Đình V, chị Đặng Thị Quỳnh Tr ký hợp đồng tín dụng số 35/2016/4876886/HĐTD ngày 14/10/2016. Như vậy hợp đồng tín dụng được hai bên giao kết thực hiện trước ngày 01/01/2017. Căn cứ khoản 3 Điều 4 Luật Thương mại, Điều 688 BLDS 2015, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định và các điều luật của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đặng Thị Quỳnh Tr thừa nhận chị và ông Đặng Đình V đã ký Hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam - Chi nhánh Phủ Quỳ, số tiền vay 664.000.000 đồng như nguyên đơn trình bày. Như vậy, việc ký kết hợp đồng là tự nguyện, tại thời điểm ký kết các bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không ai bị ép buộc hay lừa dối; nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội; hợp đồng thể chấp được công chứng tại Văn phòng công chứng Thái Hòa, đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Thái Hòa ngày 14/10/2016 nên phát sinh hiệu lực theo quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr đã nhận đủ số tiền vay 664.000.000 đ theo ủy nhiệm chi ngày 14/10/2016 của ông Đặng Đình V. Như vậy, nguyên đơn Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Phủ Quỳ đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay mới chỉ trả được 10.000.000 đồng tiền nợ lãi, còn lại không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ theo hợp đồng mà hai bên đã cam kết thỏa thuận, vi phạm hợp đồng về nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và tiền lãi đã ký với Ngân hàng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ là có căn cứ.

Về nợ gốc, nguyên đơn đều có lời khai cũng như đưa ra các tài liệu thống nhất về số tiền giải ngân cho bị đơn là 664.000.000 đồng, bị đơn cũng thừa nhận đã ký kết HĐTD vay số tiền này. Do đó, yêu cầu khởi kiện về trả số tiền nợ gốc của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 474 Bộ luật Dân sự nên cần chấp nhận và buộc bị đơn trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là: 664.000.000 đồng.

Về nợ lãi: Theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết thì các bên thỏa thuận về tính lãi suất như sau: lãi suất cho vay trong hạn là 8%/năm trong 1/2 thời gian vay vốn đầu tiên, sau 1/2 thời gian vay vốn đầu tiên thì áp dụng theo mức lãi suất thông thường của Chi nhánh BIDV Phủ Quỳ theo từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Như vậy, lãi suất mà các bên thỏa thuận trong HĐTD là đúng quy định pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Lãi suất đã được Ngân hàng tính toán cụ thể, chi tiết tại bảng kê tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm như sau: Lãi suất trong hạn 664.000.000đ nợ gốc, từ ngày 14/10/2016 đến 30/3/2017 = 168 ngày x 8.0% = 24.789,333đ; ngày 31/3/2017 đến 14/9/2017 = 168 ngày x 9,3% = 28,817,600đ; Lãi suất quá hạn từ ngày 15/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 1189 ngày x 13,95% /năm lãi quá hạn = 305.819.033đ.

Các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn, việc tính toán phù hợp với nội dung các bên thỏa thuận tại HĐTD và các quy định của BLDS nên có cơ sở chấp nhận và cần buộc bị đơn trả cho ngân hàng khoản tiền lãi trong hạn (tính đến ngày 14/9/2017 là: 53.606,933đ nhưng được 10.000.000đ còn lại 43.606.933 đồng và lãi quá hạn (tính từ ngày 15/9/2017 đến ngày 16 /12/2020) là: 305.819.033đồng. Tổng lãi là: 359.425.967đồng.

Xét thấy, việc ký kết hợp đồng tín dụng ông Đặng Đình V và chị Đặng Thị Quỳnh Tr ký kết với mục đích vay vốn để kinh doanh hàng nông sản của hộ gia đình nay cần buộc ông V và chị Tr liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng BIDV theo quy định.

Ngoài ra, do trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng.

[4] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, các bên thỏa thuận thống nhất dùng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 tại thửa đất số 16939.03.41, tờ bản đồ số 03, diện tích 887,6m² tại Khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp Giấy CNQSD đất số AI 421296 ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4 mái ngói, có 3 gian 01 lòi, nền lát gạch men, diện tích xây dựng 75m², xây dựng năm 1987; Theo HĐ thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 16/2016/4965664HĐBĐ ngày 14/10/2016. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp Giấy CNQSD đất số AI 421296 ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hộ gia đình ông Đặng Đình S gồm ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H và con là Đặng Phi H. Do đó, hợp đồng thế chấp có đầy đủ chữ ký của ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H và con là Đặng Phi H là đảm bảo cơ sở pháp lý, quá trình giải quyết vụ án bà H thừa nhận có ký hợp đồng thế chấp tài sản cho bố con ông V vay tiền. Hợp đồng thế chấp sau khi ký kết đã

được công chứng tại Văn phòng công chứng Thái Hòa và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thị xã Thái Hòa nên đã đảm bảo theo đúng các trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP, Nghị định số 11/2012 ngày 22/02/2012 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và thỏa mãn các điều kiện về hiệu lực của hợp đồng quy định tại Điều 342, Điều 715 đến Điều 720 Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực pháp lý và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với các bên ký kết. Căn cứ khoản 3 Điều 3 Hợp đồng thế chấp " *Trường hợp bên thế chấp đầu tư thêm vào tài sản thế chấp thì phần tăng thêm do đầu tư cũng thuộc tài sản thế chấp...*". Căn cứ Biên bản thẩm định tại ngày 27/8/2019 thể hiện Thửa đất số 16939.03.41 tờ bản đồ số 3 (nay thửa 21, tờ bản đồ số 6) địa điểm khối Q, phường Hòa H, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An có diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 15/8/2007 là 887,6m². Diện tích đo vẽ thực tế năm 2010 là 839,5m².

Về tài sản trên đất gồm:

- 01 ngôi nhà cấp 4 xây về hướng tây của thửa đất, tường xây, mái lợp ngói, trần nhựa, nền lát gạch hoa gồm 01 phòng khách, 01 phòng lò, 01 phòng ngủ, cửa làm bằng nhựa, kính Widow, mặt tường phía trước ốp gạch;
- 01 ngôi nhà ngang (nhà cấp 4) xây về hướng nam của thửa đất, tường xây, nền gạch lát hoa, mái lợp tôn, trần nhựa, gồm 01 gian bếp, 02 phòng ngủ, cửa hai phòng ngủ bằng kính, cửa phòng bếp làm bằng nhựa, kính Widow nhà xây năm 2018;
- 01 nhà vệ sinh khép kín xây liền kề với nhà ngang được xây dựng năm 2010.
- Phía trước của nhà chính và phía đông của nhà chính có mái tôn.

Tài sản gắn liền với đất thay đổi so với thời điểm thế chấp, cụ thể ngôi nhà ngàn được xây dựng vào năm 2018. Đều thuộc tài sản thế chấp đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số 35/2016/4876886/HĐTD ngày 14/10/2016.

Vì vậy, căn cứ Điều 721 Bộ luật dân sự 2005 cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí Kinh doanh tH mại sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với số tiền thẩm định tại chỗ tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 3.000.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: **Điều 30**, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 Bộ luật TTDS năm 2015; Điều 95 luật các tổ chức tín dụng; Điều 342,343, khoản 7 Điều 351, Điều 355, Điều 471, Điều 474, Điều 476,715 BLDS 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22-02-2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29-12-2006 của Chính

phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 2, khoản 6 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận **toàn bộ** yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam.

Buộc ông Đặng Đình V **và** bà Đặng Thị Quỳnh Tr phải liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam số tiền **còn** nợ tính đến ngày 16/12/2020 là: 1.013.425.967 đồng (Một tỷ không trăm mười ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi bảy đồng){trong đó gồm Tiền nợ gốc: 664.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 53.606.933 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 304.643.200đ}. Chia kỷ phần ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam cụ thể ông V số tiền 506.712.983 đồng; Bà Đặng Thị Quỳnh Tr số tiền 506.712.983đồng.

Trong trường hợp ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr không trả được nợ hoặc trả nợ không đủ thì Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (**bán đấu giá tài sản thế chấp**) để thu hồi nợ là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bên thứ 3 tại thửa đất số 16939.03.41, tờ bản đồ số 03, diện tích 839,5m² tại Khối Q, phường Quang Tiến, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An, đã được UBND huyện Nghĩa Đàn cấp Giấy CNQSD đất số AI 421296 ngày 15/8/2007 cho hộ ông Đặng Đình S, bà Trần Thị H; Tài sản gắn liền với đất là 01 nhà ở cấp 4 mái ngói, có 3 gian 01 lòi, nền lát gạch men, diện tích xây dựng 75m², xây dựng năm 1987; 01 ngôi nhà ngang (nhà cấp 4) xây về hướng nam của thửa đất, tường xây, nền gạch lát hoa, mái lợp tôn, trần nhựa, gồm 01 gian bếp, 02 phòng ngủ, cửa hai phòng ngủ bằng kính, cửa phòng bếp làm bằng nhựa, kính Widow nhà xây năm 2018; Theo HĐ thế chấp bất động sản của bên thứ 3 số 16/2016/4965664HĐBĐ ngày 14/10/2016. **Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên có tứ cận như sau: Phía Đông giáp công vào nhà ông Thân, Cần; phía Tây giáp đất nhà bà Phụng; phía Nam giáp đất nhà ông Thân, Cần; phía Bắc giáp đường khôi.**

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Đặng Đình V, bà Đặng Thị Quỳnh Tr còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về chi phí thẩm định tại chỗ: Buộc ông Đặng Đình V và bà Đặng Thị Quỳnh Tr phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng BIDV số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng). Quy kỷ phần mỗi người 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)

Về án phí: Ông Đặng Đình V phải chịu 21.203 049đ, bà Đặng Thị Quỳnh Tr phải chịu 21. 203 049đ, tiền án phí kinh doanh tH mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.871.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000521 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thái Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ngân hàng TMCP ĐT &PT Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị đơn là **Bà Đặng Thị Quỳnh Tr** và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ; đối với ông Đặng Đình V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Hải Minh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Viết Tùng

Nguyễn Văn Lý

Nguyễn Thị Hải Minh